TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/DSST**
Ngày 11/02/2022
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang*** tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-DS ngày 09/7/2021; Quyết định hoãn phiên toà số 31/2021/QĐST-DS ngày 30/7/2021; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 30/TB-TA ngày 22/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N** (Bảy Góp) – sinh năm 1935 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** (còn có tên gọi khác là **Nguyễn Văn P**) – sinh năm 1979 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:***

Anh Nguyễn Văn T và mẹ là bà Võ Thị B có vay tiền của ông N nhiều lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, đến ngày 20/11/2020 anh T vay thêm của ông N số tiền 10.000.000đ, anh T trực tiếp viết Biên nhận mượn nợ và ký tên thể hiện anh T vay của ông N 50.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình vay, anh T

có thỏa thuận miệng là trong vòng 1, 2 tháng sẽ trả tiền cho ông N, nhưng anh T chỉ trả cho ông N được 12.600.000đ tiền gốc. Sau đó, ông N có đến nhà anh T đòi tiền nhiều lần nhưng anh T vẫn không trả tiền cho ông N.

Tại phiên tòa, ông N chỉ yêu cầu một mình anh T trả cho ông N số tiền 37.400.000đ, không yêu cầu tính lãi.

* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Văn T để hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng thời gian chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, toàn tỉnh Kiên Giang phải thực hiện giãn cách xã hội nên không thể mở phiên toà đúng theo thời gian đã ấn định trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ, bị đơn không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T còn có tên gọi Nguyễn Văn P phải trả số tiền vay gốc 37.400.000đ, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền vay vốn gốc 37.400.00đ. Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là 1.870.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại huyện T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Xét thấy, anh T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của ông N tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra

xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên toà, nhưng anh T không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T thanh toán số tiền còn thiếu là 37.400.000đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), đây là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T trả số tiền còn thiếu 37.400.000đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T thiếu tiền ông N, sau đó anh T viết tờ Biên nhận mượn nợ thể hiện anh T vay của ông N số tiền là 50.000.000đ, anh T là người viết biên nhận và ký tên trực tiếp vào tờ biên nhận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận. Trong quá trình vay anh T chỉ trả cho ông N số tiền là 12.600.000đ. Do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, anh T đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong phần thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N số tiền: 37.400.000đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí trên số tiền 37.400.000đ trả cho ông Nguyễn Văn N được tính như sau: 37.400.000đ x 5% = 1.870.000đồng.

Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn P).

2. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn P) phải trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền: 37.400.000đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn P) phải nộp án phí là 1.870.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn P) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THA huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến